

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 338/2023/DS-PT

Ngày: 15-9-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Tấn Quốc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 226/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1974 - Chủ hộ kinh doanh Đại Lý Đ1;

Địa chỉ: Số B, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền của bà Đ: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số A, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 05-4-2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn C- Văn phòng Luật sư Trần Văn C, Đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 8, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Phạm Công T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A, đường T, phường T, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Trần Nguyễn Q1, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 9, đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Trần Nguyễn Q2, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Số 9, đường L, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q2 và ông Q1: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Hoặc Ông Võ Minh K, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp Kênh N, xã B, huyện B, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 25-8-2023).

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà H, ông Th và ông C có mặt; ông C1 và ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-4-2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-12-2022, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Đ do bà Nguyễn Thị Kim H đại diện trình bày:

Vào năm 2018, đại lý thức ăn chăn nuôi của bà Trương Thị Đ (Đại Lý Đ1) có bán cho ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Xuân S thức ăn chăn nuôi tôm. Hai bên có thỏa thuận việc mua bán trong thời hạn khoảng 03 tháng trả tiền. Qua nhiều đợt mua bán và tính đến ngày 12-01-2019 thì ông C1, bà S có trả tiền cho bà Đ nhiều lần còn nợ lại bà Đ tiền vốn mua bán là 188.664.000 đồng. Ngày 25 tháng 02 năm 2019 bà S mất, các con bà S là ông Q1 và ông Q2 có ký giấy nhận nợ đối với bà Đ là 188.664.000 đồng. Các con của bà S đã chia thừa kế là quyền sử dụng đất của bà S tại xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành tỉnh Long An và đã chuyển nhượng hết 01 thửa đất số 116, diện tích 2.815,1m², tờ bản đồ số 03 của bà S để lại cho người khác vào ngày 26-5-2021 nhưng vẫn không trả nợ cho bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu các con bà S là ông T, ông Q2, ông Q1 và ông C1 phải liên đới trả cho bà Đ 188.664.000 đồng vốn mua bán và yêu cầu tính lãi 188.664.000 đồng x 0,83%/tháng x 49 tháng = 76.729.648 đồng, tổng cộng vốn mua bán và lãi chậm trả là 265.393.648 đồng (thời gian tính lãi từ ngày 12-01-2019 đến ngày 12-02-2023) trả một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà H là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ trình bày: Bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông C1, bà Đ không yêu cầu ông C1 liên đới cùng với ông T, ông Q2, ông Q1 trả số tiền vốn mua bán và lãi chậm trả 265.393.648 đồng.

Bị đơn ông C1 trình bày:

Ông và bà S sống chung với nhau khoảng 10 năm. Đến ngày 25-2-2019 bà S mất. Trong thời gian chung sống với ông, ông và bà S có nuôi tôm nhưng nuôi riêng. Số tiền bà S nợ bà Đ là 188.664.000 đồng, đây là số nợ của bà S với bà Đ ông không có trách nhiệm nên ông T, Q2, Q1 là con bà S phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 430, 440, 615, 651, 658, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2.

Buộc ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2 phải liên đới trả cho bà Đ là 265.393.648 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) tiền vốn mua bán và lãi chậm trả.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-6-2023, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ với lý do: bà Đ không cung cấp được hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản xác nhận nợ giữa bà Đ với bà S; bà S chỉ mua và thiếu tiền thức ăn chăn nuôi với Đại lý Đ1 chứ không thiếu bà Trương Thị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, bà Đ có cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh là Đại lý Đ1 do bà Đ là chủ hộ kinh doanh nên không cần thiết phải đưa ông D vào tham gia tố tụng. Bà Đ có giấy xác nhận bà S thiếu nợ Đại lý Đ1 nên bà Đ có quyền khởi kiện vì quyền lợi bị xâm phạm, bản án

nên ghi thêm bà Trương Thị Đ là chủ hộ kinh doanh Đại lý Đ1. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q1 và ông Q2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 do ông Trần Văn Th đại diện trình bày:

Nguyên đơn không chứng minh được quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, không chứng minh được mối quan hệ giữa bà Trương Thị Đ và Đại lý Đ1, không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trương Thế D tham gia tố tụng. Số nợ trên nếu có là nợ chung của ông C1 và bà S, nếu nguyên đơn chỉ kiện bà S thì Tòa án phải xác định phần nợ của bà S là bao nhiêu và các đồng thừa kế chỉ trả nợ cho phần của bà S. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông Q1 và ông Q2 trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Số nợ 188.664.000 đồng có xác nhận của ông Q1 và ông Q2 nhưng cho rằng mẹ của các ông là bà S chỉ thiếu nợ Đại lý Đ1, không đồng ý trả cho bà Đ. Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, bà Đ có cung cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nên bà Đ có quyền khởi kiện. Các con của bà S đã thừa hưởng di sản thừa kế của bà S là quyền sử dụng đất nhưng không trả nợ của bà S. Tòa án cấp sơ thẩm buộc các con của bà S trả nợ là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Q1 và ông Q2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Q1 và ông Q2 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét thấy, từ ngày 22-9-2018, Đại lý Đ1 do bà Trương Thị Đ là chủ hộ kinh doanh có bán thức ăn chăn nuôi cho ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Xuân S. Bà S chết ngày 25 tháng 02 năm 2019, các con bà S là ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 có ký vào “Đơn xác nhận” với nội dung: “Nay tôi làm đơn

này để xác nhận mẹ tôi là bà Nguyễn Xuân S, sinh ngày 15-3-1962 khi còn sống đã nuôi tôi và thiếu nợ tiền thức ăn của Đại lý Đ1 số tiền 188.664.000 đồng”.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm bà H là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Đ không yêu cầu ông C1 liên đới cùng với ông T, ông Q2, ông Q1 trả số tiền vốn mua bán và lãi chậm trả 265.393.648 đồng. Đối với ông T, ông Q2, ông Q1 là con của bà S đã nhận di sản thừa kế của bà S là quyền sử dụng đất. Nay bà Đ yêu cầu các con bà S là ông T, ông Q2, ông Q1 phải liên đới trả cho bà Đ 188.664.000 đồng vốn mua bán và yêu cầu tính lãi từ ngày 12-01-2019 đến ngày 12-02-2023 với số tiền lãi là 76.729.648 đồng (188.664.000 đồng x 0,83%/tháng x 49 tháng), tổng cộng vốn mua bán và lãi chậm trả là 265.393.648 đồng.

[5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ buộc ông T, ông Q2, ông Q1 phải liên đới trả cho bà Đ vốn mua bán và lãi chậm trả là 265.393.648 đồng là phù hợp các điều 288, 430, 440, 615, 651, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

[6] Theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì tên hộ kinh doanh: Đại Lý Đ1; chủ thể thành lập hộ kinh doanh: cá nhân; thông tin về đại diện hộ kinh doanh: Trương Thị Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 79, khoản 2 Điều 81 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì bà Trương Thị Đ là chủ hộ kinh doanh nên xác định nguyên đơn là bà Trương Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Đại Lý Đ1. Các con bà S là ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 có ký vào “Đơn xác nhận” mẹ của các ông là bà Nguyễn Xuân S khi còn sống đã nuôi tôi và thiếu nợ tiền thức của Đại lý Đ1 số tiền 188.664.000 đồng” chưa trả là đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Đ nên bà Trương Thị Đ – Chủ hộ kinh doanh Đại Lý Đ1 có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự và không cần thiết phải đưa ông Nguyễn Trương Thế D (con bà Đ) vào tham gia tố tụng.

[7] Theo quy định tại Điều Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015, bà Đ là bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Trường hợp một người đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thì có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với mình. Do đó, bà Đ có quyền khởi kiện ông C1 và bà S hoặc bà S và Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hơn nữa, trong vụ án này, các con bà S là ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 có ký xác nhận mẹ của các ông là bà Nguyễn Xuân S khi còn sống đã nuôi tôi và thiếu nợ tiền thức của Đại lý Đ1 số tiền 188.664.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 do ông Trần Văn Th đại diện cho rằng nguyên đơn không chứng minh được quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; không chứng minh được mối quan hệ giữa bà Trương Thị Đ và Đại lý Đ1; không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan Nguyễn Trương Thế D tham gia tố tụng; số nợ trên nêu có là nợ chung của ông C1 và bà S, nếu nguyên đơn chỉ kiện bà S thì Tòa án phải xác định phần nợ của bà S là bao nhiêu, các đồng thừa kế chỉ trả nợ cho phần của bà S và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Ngoài ra, bản án tuyên buộc ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2 phải liên đới trả nợ cho bà Đ và phải chịu án phí sơ thẩm là thiếu sót, chưa xác định phạm vi thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại thì những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Do đó, ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2 phải liên đới trả nợ cho bà Đ và phải chịu án trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Xuân S để lại, nên cần sửa về cách tuyên trong bản án, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm các thiếu sót nêu trên.

[10] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 là có căn cứ.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa về cách tuyên án, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2;

Sửa Bản án sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điều 357, 288, 430, 440, 615, 651, 658, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ - Chủ hộ kinh doanh Đại Lý Đ1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” đối với ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2.

Buộc ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị Đ - Chủ hộ kinh doanh Đại Lý Đ1 số tiền 265.393.648 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) gồm tiền vốn mua bán và lãi chậm trả trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Xuân S để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đ được nhận lại 6.539.000 đồng (sáu triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007816 ngày 28 tháng 4 năm 2022 và biên lai thu số 0006485 ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Phạm Công T, ông Trần Nguyễn Q1, ông Trần Nguyễn Q2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.269.682 đồng (mười ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng) trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Xuân S để lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Nguyễn Q1 và ông Trần Nguyễn Q2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0003430; biên lai số 0003431 cùng ngày 21-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành để thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

